TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2023/DS-ST
Ngày: 28 - 4 -2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Ngô Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 570/2022/TLST- DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 100/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ trụ sở: Tầng 01 (trệt) và Tầng 02, tòa nhà Sailing Tower - Số 111A đường P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Xuân T và ông Lê Mạnh C, địa chỉ liên lạc: Tầng 06, tòa nhà PaxSky - Số 26 đường U, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (văn bản ủy quyền số 026199.23 ngày 10/3/2023). (có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Phòng 7.14 Lô A, Chung cư K, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lý Xuân T trình bày:

Ngày 12/6/2017 giữa ông Nguyễn Văn T và Ngân hàng TMCP Q (sau đây được viết tắt là VIB) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0125/HDTCDP-VIB801/17 với nội dung VIB cho vay số tiền 299.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn 48 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 17%/năm, cố định trong suốt thời gian vay, trừ trường hợp thay đổi theo quy định tại Hợp đồng, trả nợ gốc và lãi vào ngày 15 hàng tháng, số tiền phải trả là 8.627.658 đồng/tháng. Ngày 15/6/2017, VIB đã giải ngân số tiền nêu trên cho bị đơn theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0125/KUNNTCDP-VIB801/17. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đúng cam kết nên ngày 16/02/2019 VIB đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/4/2023 bị đơn chỉ thanh toán cho VIB tổng số tiền 164.175.061 đồng; gồm nợ gốc 96.957.011 đồng, nợ lãi 67.218.050 đồng và còn nợ tổng số tiền 427.271.791 đồng; gồm nợ gốc 202.042.989 đồng, nợ lãi trong hạn 5.978.485 đồng, nợ lãi quá hạn 219.250.317 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 29/4/2023 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông T cư trú tại quận Gò Vấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0125/HDTCDP-VIB801/17 ngày 12/06/2017 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0125/KUNNTCDP-VIB801/17 ngày 15/6/2017, căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định:

Hợp đồng tín dụng và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ trên do bị đơn là ông Nguyễn Văn T ký với Ngân hàng TMCP Q. Sau khi vay bị đơn chỉ thanh toán tổng cộng 164.175.061 đồng, gồm nợ gốc 96.957.011 đồng, nợ lãi 67.218.050 đồng; hiện bị đơn còn nợ gốc là 202.042.989 đồng, mặc dù được VIB nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở.

Về yêu cầu tính lãi: Tại mục 1.4 và 1.5 của Hợp đồng tín dụng đã ký, hàng tháng bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho VIB nợ gốc và lãi nhưng do bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận nên ngày 16/02/2019 VIB đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bị đơn sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 3 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm Hợp đồng tín dụng), tiền lãi tính đến ngày 28/4/2023 tổng cộng là 225.228.802 đồng, gồm nợ lãi trong hạn 5.978.485 đồng, nợ lãi quá hạn 219.250.317 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 29/4/2023 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo lãi suất được các bên thoả thuận tại hợp đồng đã ký. Căn cứ vào điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và thoả thuận của hai bên nên có cơ sở để chấp nhận.

Về phía bị đơn mặc dù đã được Tòa tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vụ án.

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc và nợ lãi là 427.271.791 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 202.042.989 đồng, nợ lãi trong hạn 5.978.485 đồng, nợ lãi quá hạn 219.250.317 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 21.090.872 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0125/HDTCDP-VIB801/17 ngày 12/6/2017 là 427.271.791 đồng (bốn trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm chín mươi mốt đồng); trong đó bao gồm nợ gốc 202.042.989 đồng (hai trăm lẻ hai triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn 5.978.485 đồng (năm triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm tám mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn 219.250.317 đồng (hai trăm mười chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn, ba trăm mười bảy đồng).

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí là 21.090.872 đồng (hai mươi mốt triệu, không trăm chín mươi nghìn, tám trăm bảy mươi hai đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 7.924.638 đồng (bảy triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng) cho Ngân hàng TMCP Q theo biên lai thu số AA/2021/0048687 ngày 23/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc

này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên